

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11444/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND thành phố Biên Hòa về ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường tại Công văn số 88/PCĐN-KT ngày 13/8/2024 và Công văn số 221/PCĐN-KT ngày 12/3/2025 giải trình về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án "Trụ sở Văn phòng Điện lực Đồng Nai và kho chứa thiết bị vật tư mới ngành điện" của Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai tại số 01, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 71/TTr-PTNMT ngày 25 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai, địa chỉ trụ sở chính tại số 01, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Trụ sở Văn phòng Điện lực Đồng Nai và kho chứa thiết bị vật tư mới ngành điện" tại số 01, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Trụ sở Văn phòng Điện lực Đồng Nai và kho chứa thiết bị vật tư mới ngành điện.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 01, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3600432744 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/7/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13/11/2023.

1.4. Mã số thuế: 3600432744.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trụ sở văn phòng và kho chứa vật tư ngành điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi:

+ Trụ sở Văn phòng Điện lực Đồng Nai diện tích 9.174,6 m² thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 17, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa bao gồm các hạng mục công trình chính như văn phòng làm việc, nhà ăn, nhà bảo vệ, nhà xe và diện tích đất trống.

+ Kho chứa thiết bị vật tư ngành điện diện tích 8.361,7 m² thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 17, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa bao gồm các hạng mục công trình chính như kho vật tư, sân chứa thiết bị, kho bãi cho thuê (theo Hợp đồng số 237/HĐ ngày 28/6/2024 giữa Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai và Công ty CP cơ điện – điện lực Đồng Nai), trạm bơm, bể PCCC và đường nội bộ.

- Quy mô:

+ Nhà văn phòng làm việc xây dựng 5 tầng với tổng diện tích sàn 5.044 m².

+ Kho chứa thiết bị vật tư ngành điện diện tích 8.361,7 m².

- Mục tiêu hoạt động:

+ Văn phòng Công ty: Được giao nhiệm vụ quản lý, vận hành, kinh doanh điện đến cấp điện áp 110kV trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Kho vật tư thiết bị: Lưu chứa vật tư, thiết bị mới nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng và bảo dưỡng định kỳ các trạm biến áp và đường dây điện, phục vụ cho việc cấp điện ổn định và liên tục trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tổng mức đầu tư: 34.286.629.795 đồng.

- Dự án thuộc nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư thuộc nhóm III theo quy định Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 02 tháng 4 năm 2035).

Điều 4. Giao Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT/ UBND TP;
- Chánh, các PCVP/HĐND-UBND TP;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- UBND phường Tân Hiệp;
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Duy Tân

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4824 /GPMT-UBND ngày 02 / 4 /2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các thiết bị bồn cầu, bồn tiểu.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ các lavabo, bồn rửa nhà vệ sinh, nước vệ sinh sàn nhà văn phòng, nhà vệ sinh.
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực nhà ăn.
- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình vệ sinh tấm pin năng lượng mặt trời.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước trên Nguyễn Ái Quốc sau đó chảy ra suối Sắn Máu thoát ra sông Cái rồi chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại 01 hố ga G33 đầu nối vào hệ thống thoát nước trên đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải sau xử lý: X = 1212971; Y = 402041 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45', múi chiều 3⁰.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: bơm cưỡng bức (dùng bơm công suất 1Hp).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột A, K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột A, K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
3	TSS	mg/l	60	Thực hiện quan trắc định kỳ (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022)	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022)
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600		
5	Sunfua	mg/l	1,2		
6	Amoni	mg/l	6		
7	Nitrat	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
10	Phosphat	mg/l	7,2		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải:

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với nước thải với chế độ tự chảy về hệ thống thoát nước mưa chung trong khu vực.

- Nước mưa trên mái trụ trở vẫn phòng làm việc được thu gom bằng phễu thu kích thước 150 x150mm sau đó chuyển nước mưa vào ống nhựa uPVC đường kính D114mm dẫn xuống hệ thống thoát nước mưa dưới đất. Hệ thống thoát nước mưa dưới đất được xây dựng là các cống bằng bê tông cốt thép D600mm chạy dọc theo các tuyến đường nội bộ dẫn ra hệ thống thoát nước mưa chung trên đường Nguyễn Ái Quốc tại 1 điểm hố ga G17 bằng phương thức tự chảy.

- Nước mưa trên mái kho vật tư thiết bị được thu gom bằng phễu thu kích thước 150 x150mm sau đó chuyển nước mưa vào ống nhựa uPVC đường kính D114mm dẫn xuống hệ thống thoát nước mưa dưới đất. Hệ thống thoát nước mưa dưới đất được xây dựng là các cống bằng bê tông cốt thép D600mm chạy dọc theo các tuyến đường nội bộ dẫn ra hệ thống thoát nước mưa chung trên đường giao thông dân sinh thuộc khu phố 2, phường Tân Hiệp bằng phương thức tự chảy.

- Nước mưa chảy tràn: được thu gom về các hố ga có lọc rác và kết nối vào hệ thống thoát nước mưa của dự án.

1.1.2. Mạng lưới thu gom thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các thiết bị bồn cầu, bồn tiểu được thu gom bằng đường ống uPVC D90mm dẫn về bể tự hoại 3 ngăn sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm bằng đường ống HDPE D200mm. Nước thải sau xử lý sẽ được bơm cưỡng bức bằng đường ống HDPE D200mm dài 200m ra hố ga đầu nối nước thải trên đường Nguyễn Ái Quốc. Nước thải từ hố ga trên đường Nguyễn Ái Quốc sẽ được tự chảy về Suối Săn Máu sau đó được dẫn về Sông Cái và điểm tiếp nhận cuối cùng là Sông Đồng Nai.

- Nước thải phát sinh từ các lavabo, bồn rửa nhà vệ sinh, nước vệ sinh sàn nhà văn phòng, nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống uPVC D90mm dẫn về ngăn thứ ba của bể tự hoại 3 ngăn sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm bằng đường ống HDPE D200mm. Nước thải sau xử lý sẽ được bơm cưỡng bức bằng đường ống HDPE D200mm dài 200m ra hố ga đầu nối nước thải trên đường Nguyễn Ái Quốc. Nước thải từ hố ga trên đường Nguyễn Ái Quốc sẽ được tự chảy về Suối Săn Máu sau đó được dẫn về Sông Cái và điểm tiếp nhận cuối cùng là Sông Đồng Nai..

- Nước thải từ hoạt động nhà ăn thu gom bằng đường ống uPVC về bể tách dầu mỡ dung tích 02 m³ sau đó được thu gom bằng đường ống uPVC D114mm về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý sẽ được bơm cưỡng bức bằng đường ống HDPE D200mm dài 200m ra hố ga đầu nối nước thải trên đường Nguyễn Ái Quốc. Nước thải từ hố ga trên đường Nguyễn Ái Quốc sẽ được tự chảy về Suối Săn Máu sau đó được dẫn về Sông Cái và điểm tiếp nhận cuối cùng là Sông Đồng Nai.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh tấm pin năng lượng mặt trời được thu gom bằng đường ống uPVC D114mm về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý sẽ được bơm cưỡng bức bằng đường ống HDPE D200mm dài 200m ra hố ga đầu nối nước thải trên đường Nguyễn Ái Quốc. Nước thải từ hố ga trên đường Nguyễn Ái Quốc sẽ được tự chảy về Suối Săn Máu sau đó được dẫn về Sông Cái và điểm tiếp nhận cuối cùng là Sông Đồng Nai.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (bao gồm nước thải sinh hoạt từ các thiết bị bồn cầu, bồn tiểu được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn, nước thải phát sinh từ các lavabo, bồn rửa nhà vệ sinh, nước vệ sinh sàn nhà văn phòng, nhà vệ sinh được thu gom về ngăn thứ 3 của bể tự hoại 3 ngăn, nước thải từ khu vực nhà ăn qua bể tách dầu mỡ và nước thải từ quá trình vệ sinh tấm pin năng lượng mặt trời) được thu gom về bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể Khử Trùng → Cột lọc áp lực → Hố ga đầu nối nước thải trên đường Nguyễn Ái Quốc → Nước thải từ hố ga trên đường Nguyễn Ái Quốc sẽ được tự chảy về Suối Săn Máu sau đó được dẫn về Sông Cái và điểm tiếp nhận cuối cùng là Sông Đồng Nai.

- Công suất thiết kế: 04 bể tự hoại 3 ngăn khu trụ sở văn phòng có dung tích 19m³/bể; 01 bể tự hoại 3 ngăn kho vật tư thiết bị có dung tích 18m³; Bể tách dầu mỡ có dung tích 2m³; hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình công nghệ.

- Vận hành và bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; kịp thời thay thế các thiết bị hư hỏng đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, tính chất nước thải và sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra Dự án để phát hiện sự cố một cách sớm nhất; không để vượt công suất xử lý.

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến ống dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm 03 tháng từ tháng 7 năm 2025 đến tháng 10 năm 2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 30 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

Giai đoạn vận hành ổn định: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận nước thải theo QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K=1,2; không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

- Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý nước thải và xả nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số *482A* /GPMT-UBND ngày *08* / *4* /2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (dự án không phát sinh khí thải tại nguồn).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:

- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

- Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải, nhà ăn.

- Theo dõi, vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án, tránh phát sinh mùi từ các bể xử lý nước thải; thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp phát sinh mùi ảnh hưởng tới khu vực xung quanh.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 482A /GPMT-UBND ngày 02/4/2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị từ hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của khu vực nhà bếp.

- Nguồn số 3: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị của trạm bơm phòng cháy và chữa cháy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1212642; Y = 412443

- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1211164; Y = 413291

- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1211531; Y = 413642

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107^o45' múi chiều 3^o)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Định kỳ kiểm tra động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

- Bố trí vành đai cây xanh bao quanh khuôn viên để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát ra từ khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

2.3. Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

2.4. Giới hạn tốc độ di chuyển trong khu vực dự án để hạn chế tiếng ồn, hạn chế bóp còi trong khu vực dự án.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4824/GPMT-UBND ngày 02/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	16
2	Dầu cách điện; dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	17 03 04	Lỏng	KS	650
3	Các loại dầu thủy lực khác	17 01 07	Lỏng	NH	5
4	Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC	19 02 03	Rắn	NH	210
5	Thiết bị điện thải có các bộ phận, linh kiện điện tử	19 02 05	Rắn	NH	270
6	Pin năng lượng mặt trời thải	19 02 08	Rắn	KS	100
7	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	NH	70
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	30
Tổng cộng					1.351

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Nhựa và cao su thải các loại	18 01 06	Rắn	TT-R	82
2	Giấy, báo, bìa và các vật liệu giấy	18 01 05	Rắn	TT-R	50
3	Hộp chứa mực in thải (mực in văn phòng)	08 02 08	Rắn	TT	70
4	Bàn ghế gỗ	11 02 02	Rắn	TT-R	350
5	Bùn từ hệ thống XLNT	12 06 12	Bùn	TT	30
6	Bùn từ bể tự hoại	--	Bùn	TT	1.540
7	Dầu mỡ từ bể tách mỡ	12 06 11	Rắn	TT	24,6
Tổng cộng					2.146,6

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Tỷ lệ (%)
1	Chất thải thực phẩm	33.671	75
2	Chất thải rắn sinh hoạt khác	6.734	15
3	Chất thải rắn có khả năng tái chế	4.490	10
Tổng		44.895	100

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 08 thùng nhựa loại 120L.

2.1.2. Khu lưu chứa trong nhà

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 15m² (nằm phía sau nhà ăn).

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Khu lưu giữ chất thải nguy hại có tường tôn và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng

phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 35, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 03 thùng nhựa loại 240L.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 15m² (trong kho vật tư thiết bị).

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Khu vực chứa chất thải có mái che, nền láng xi măng chống thấm, cao độ nền so với mặt sân là 0,2m, mái lợp bằng tôn, vách tôn.

- Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đối với các loại chất thải công nghiệp phải xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: Bố trí 15 thùng (05 thùng xanh, 05 thùng xám, 05 thùng cam) có dung tích 120L bố trí tại các tầng của trụ sở văn phòng, 03 thùng có dung tích 660L (01 thùng xanh, 01 thùng xám, 01 thùng cam) đặt ở khu vực nhà xe của trụ sở văn phòng; 03 thùng có dung tích 240L (01 thùng xanh, 01 thùng xám, 01 thùng cam) đặt ở khu vực nhà bếp và 03 thùng có dung tích 240L (01 thùng xanh, 01 thùng xám, 01 thùng cam) đặt ở bãi xe của kho vật tư thiết bị.

2.3.2. Khu vực lưu chứa bên ngoài

- Diện tích khu lưu chứa 02 khu vực: 5m² tại khu vực nhà xe của trụ sở văn phòng và 5m² tại bãi xe của kho vật tư thiết bị.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa bên ngoài tại khu vực bãi xe trụ sở văn phòng và kho vật tư thiết bị: Khu vực tập trung rác thải thoáng, rộng rãi, thuận lợi cho việc thu gom rác từ các khu vực khuôn viên dự án về tập trung cũng như thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển khi có xe thu gom rác đến thu gom và xử lý.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4824/GPMT-UBND ngày 02/ 4 /2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ Dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của Dự án.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,0; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước mưa, nước thải trong khuôn viên Dự án; lưu giữ số liệu tại Dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

4. Công khai, minh bạch các vị trí xả nước thải theo quy định.

5. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án theo quy định. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

6. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của Dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của Dự án.

7. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công

trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của Dự án về UBND thành phố Biên Hòa trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về UBND thành phố Biên Hòa trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

8. Chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ Dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ Dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động Dự án.

9. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

10. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo nội dung được cấp giấy phép quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi bổ sung tại mục 5 phụ lục kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu trữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

11. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

